

ĐIÊN BẢN KINH

Thời điểm kiểm kê: ..... Ngày 10 Tháng 1 năm 2021

Ngày... 10

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiểm kê TS

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiểm kê TS

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm kê TS

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiểm kê TS

- Ông bà:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: CNTT - Nhà A0 - 406, kết quả như sau

(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Sô BB 50/330

Scanned with CamScanner



| stt  | Tên tài sản                                                    | Mã tài sản          | Ngày tăng  | Vị trí | SLSS | SLTT | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------|---------------------|------------|--------|------|------|---------|
| 19   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.019 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 20   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.020 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 21   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.021 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 22   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.022 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 23   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.023 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 24   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.024 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 25   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.025 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 26   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.026 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 27   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.027 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 28   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.028 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 29   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.029 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 30   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.030 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 31   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.031 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 32   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.032 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 33   | Máy tính để bàn Dell Vostro 3670, màn hình E2016HV, phần mềm b | 07517.14.030110.033 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 34   | Máy chiếu gắn PRM-45A Promethean                               | 07517.14.030606.465 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 35   | Switch 48 cổng Zyxel GS1900-48                                 | 07517.14.031001.398 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 36   | Ôn Áp Lioa Drii-15000II                                        | 07517.14.031001.414 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 37   | Amyl PLE-1MA120-EU, Bosch                                      | 07517.14.031001.516 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 38   | Bộ thu micro không dây MW1-RX-F5, Bosch                        | 07517.14.031001.542 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 39   | Chuyển mạch cho camera co POE GS2210-8HP, Zyxel                | 07517.14.031001.619 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| III  | Tài sản Đồ gỗ quản lý                                          |                     |            |        |      |      |         |
| IV   | Phương tiện vận tải truyền dẫn                                 |                     |            |        |      |      |         |
| V    | Tài sản cố định khác                                           |                     |            |        |      |      |         |
| VI   | Cây lâu năm                                                    |                     |            |        |      |      |         |
| VII  | Tài sản cố định vô hình                                        |                     |            |        |      |      |         |
| VIII | Sách và tài liệu mã hóa                                        |                     |            |        |      |      |         |
| IX   | Sách và giáo trình                                             |                     |            |        |      |      |         |
| X    | Công cụ dụng cụ thiết bị                                       |                     |            |        |      |      |         |
| 1    | Màn chiếu P84ES Da-lite                                        | 07517.14.110000.478 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |
| 2    | Tai nghe có khung choàng đầu và mic ONE HP-818S, P-ONE         | 07517.14.110000.491 | 01/01/2019 | .      | 33   | 33   |         |
| 3    | Loa cột LAI-LM20E-1, Bosch                                     | 07517.14.110000.503 | 01/01/2019 | .      | 3    | 3    |         |
| 4    | Micro không dây cầm tay MW1-LTX-F5, Bosch                      | 07517.14.110000.529 | 01/01/2019 | .      | 1    | 1    |         |

| stt  | Tên tài sản                                                      | Mã tài sản          | Ngày tăng   | Vị trí | SLSS | SLTT | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|--------|------|------|---------|
| 5    | Camera giám sát trong phòng K-EPI134L02AE, Panasonic             | 07517.14.110000.574 | 01/01/2019. |        | 2    | 2    |         |
| 6    | Tủ rack 10 U COMRACK                                             | 07517.14.110000.594 | 01/01/2019. |        | 1    | 1    |         |
| 7    | Webcam C270, Logitech                                            | 07517.14.110000.640 | 01/01/2019. |        | 33   | 33   |         |
| XI   | Công cụ dụng cụ đồ gỗ                                            |                     |             |        |      |      |         |
| 1    | Bàn ghế giáo viên: bàn Đa Lợi GVH1206, ghế Hòa Phát SG130        | 07517.14.120000.427 | 01/01/2019. |        | 1    | 1    |         |
| 2    | Bàn ghế học viên ( 1 bàn + 2 ghế): bàn Đa Lợi BKT850, ghế Xuân H | 07517.14.120000.440 | 01/01/2019. |        | 16   | 16   |         |
| 3    | Bàn trắng viết bút dạ Đa Lợi BTT                                 | 07517.14.120000.452 | 01/01/2019. |        | 1    | 1    |         |
| XII  | Bàn, ghế giảng đường                                             |                     |             |        |      |      |         |
| XIII | Thiết bị phòng Thi nghiệm                                        |                     |             |        |      |      |         |

RƯỞNG BAN KIỂM KÊ

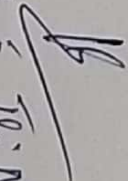
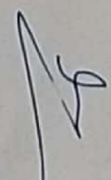
PHÒNG KH-TC

PHÒNG QT&I

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Nghệ An, ngày 10 tháng 4 năm 2021

BỘ PHẬN KIỂM KÊ

  
 Nguyễn Thị Mía  
  
 Trần Thị  
  
 Nguyễn Thị